

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN BÌNH  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 12- 2023

*V/v: Không công nhận vợ chồng,  
con chung*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Anh Tuấn và ông Trần Ngọc Thái.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 230/2023/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc "Không công nhận vợ chồng, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXX - ST ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị V**, sinh năm 1977;

- Bị đơn: Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1973

Các đương sự đều trú tại **thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái**. Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đến Tòa án ngày 01-12-2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà **Trương Thị V** trình bày:*

*-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông **Lê Văn S** tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán từ tháng 10/1994, nhưng chúng tôi không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ đây chúng tôi chung sống với nhau tại **xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái**. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tính không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông **S** thường xuyên uống rượu rồi gây sự chửi bới, đánh đập tôi. Do mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không thể khắc phục được nên từ năm 2011 chúng tôi*

không chung sống cùng nhau nữa, mỗi người ở một nhà. Tôi làm nhà ra ở riêng, do chúng tôi không đăng ký kết hôn nên tôi nghĩ không cần ly hôn mà chúng tôi tự giải quyết với nhau. Tuy nhiên đến nay do có nhu cầu thay đổi các giấy tờ tùy thân của tôi, nên tôi làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Bình giải quyết không công nhận vợ chồng giữa tôi và ông **Lê Văn S.**

- Về con chung: Chúng tôi 05 con chung là: **Lê Thị N**, sinh ngày 05/6/1995; **Lê Thị T**, sinh ngày 26/6/2000; **Lê Thị K**, sinh ngày 22/4/2002; **Lê Thị M**, sinh ngày 10/3/2005; **Lê Thị L**, sinh ngày 16/10/2007. Đối với các cháu **Lê Thị N**, **Lê Thị T**, **Lê Thị K** và **Lê Thị M** đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu **Lê Thị L** hiện nay cháu đang ở với ông **S** nên khi ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu **L** cho ông **S** tiếp tục nuôi dưỡng. Tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại Bản tự khai gửi đến Tòa án ngày 12/12/2023, bị đơn là ông **Lê Văn S** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn và quá trình chung sống như bà **Trương Thị V** trình bày là đúng. Chúng tôi đã sống ly thân, mỗi người một nhà từ năm 2011. Đến nay bà **V** làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chúng tôi, tôi đồng ý với yêu cầu của bà **V**.

- Về con chung: Chúng tôi có các con chung như bà **Trương Thị V** trình bày là đúng. Đối với các cháu **Lê Thị N**, **Lê Thị T**, **Lê Thị K** và **Lê Thị M** đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu **Lê Thị L** hiện nay đang ở với Tôi nên khi ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu **L** cho tôi tiếp tục nuôi dưỡng. Tôi không yêu cầu bà **V** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Cháu **Lê Thị L** có nguyện vọng ở với bố.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm đúng quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 và Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử không công nhận vợ chồng giữa Bà **Trương Thị V** và ông **Lê Văn**

S; giao cháu Lê Thị L cho ông Lê Văn S trực tiếp nuôi dưỡng; bà Trương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn S có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ đơn của bà Trương Thị V được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y xác nhận: Bà Trương Thị V và ông Lê Văn S chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, phù hợp với lời khai của bà Trương Thị V và ông Lê Văn S. Như vậy có đủ cơ sở xác định, bà Trương Thị V và ông Lê Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn; quá trình chung sống, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn; nay Bà Trương Thị V đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa bà V và ông S là có căn cứ theo khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, nên cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Căn cứ Điều 15, Điều 81, 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét ý kiến về việc nuôi con của bà Trương Thị V và ông Lê Văn S đã phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Thị L và điều kiện hoàn cảnh thực tế của cả bên nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con do ông Lê Văn S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với các cháu Lê Thị N, Lê Thị T, Lê Thị K và Lê Thị M đã trưởng thành nên bà Trương Thị V và ông Lê Văn S không đề nghị giải quyết là phù hợp.

4] Về tài sản và nợ chung: Bà Trương Thị V và ông Lê Văn S không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự, cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Trương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà **Trương Thị V** và ông **Lê Văn S** là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho ông **Lê Văn S** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Lê Thị L**, sinh ngày 16/10/2007. Bà **Trương Thị V** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà **Trương Thị V** phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số AA/2023/0001180 ngày 01-12- 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (bà **V** đã nộp đủ án phí).

4. Quyền kháng cáo: Bà **Trương Thị V** và ông **Lê Văn S** được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh
- Các đương sự ; - UBND xã Bảo Ái
- VKS huyện Yên Bình
- Chi cục THADS huyện Yên Bình, Lưu HS
- Lưu HS, TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Thanh**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Thanh**











